

DÂN TỘC BA NA



Tên gọi khác: Tơ Lô, Giơ Lăng, (Y Lăng), Rơ Ngao, (Krem), Roh, Con Kde, A La Công, Kpăng Công, Bơ Môn

Nhóm ngôn ngữ: Môn - Khmer

Dân số: 136.000 người.

Cư trú: Cư trú chủ yếu ở Kon Tum và miền Tây Bình Định và Phú Yên

Đặc điểm kinh tế

Người Ba Na sống chủ yếu nhờ trồng rẫy. Rẫy cung cấp không chỉ lúa gạo, mà cả các loại lương thực khác, cũng như hoa màu, rau xanh, gia vị, mía, nhiều thứ quả cây và cả bông lấy sợi dệt vải. Cùng với trồng trọt từng gia đình thường có nuôi trâu, bò, dê, lợn, gà. Chó là con vật được yêu quý và không bị giết thịt. Hầu như mỗi làng đều có lò rèn. Một số nơi biết làm đồ gốm đơn sơ, phụ nữ dệt vải tự túc

đồ mặc trong gia đình. Đàn ông đan chiếu, lưới, các loại guì, giỏ, mũng... Việc mua bán thường dùng vật đổi vật, xác định giá trị bằng con gà, lưỡi rìu, guì thóc, con lợn, hay nổi đồng, ché, chiêng, cồng, trâu v.v..

Hôn nhân gia đình

Tục hôn nhân người Ba Na cho phép tự do tìm hiểu và lựa chọn bạn đời, việc cưới xin đều theo nếp cổ truyền. Vợ chồng trẻ ở luân phiên mỗi bên một thời gian theo thỏa thuận giữa hai gia đình đôi bên, sau khi sinh con đầu lòng mới dựng nhà riêng. Trẻ em luôn được yêu chiều. Dân làng không đặt trùng tên nhau. Trong trường hợp những người trùng tên gặp nhau, họ làm lễ kết nghĩa, tùy tuổi tác mà xác lập quan hệ anh-em, cha-con, mẹ-con.

Ở người Ba Na, các con được thừa kế gia tài ngang nhau. Trong gia đình mọi người sống hòa thuận bình đẳng.

Tục lệ ma chay

Người Ba Na quan niệm con người chết đi hoá thành ma, ban đầu ở bãi mộ của làng, sau lễ bỏ mả mới về hản thế giới tổ tiên. Lễ bỏ mả được coi như lần cuối cùng tiễn biệt người chết.

Văn hóa

Trong kho tàng văn nghệ dân gian, còn phải kể đến các làn điệu dân ca, các điệu múa trong ngày hội và các lễ nghi tôn giáo. Nhạc cụ Ba Na đa dạng: những bộ cồng chiêng kết cấu khác nhau, những đàn T'rưng, brọ, klông pút, kơ ni, khinh khưng, gông, v.v... và những kèn tơ nót, arong, tơ-tiếp v.v... Nghệ thuật chạm khắc gỗ của người Ba Na độc đáo. Những hình thức trang trí sinh động trên nhà rông và đặc biệt những tượng ở nhà mồ v.v... vừa mộc mạc, vừa đơn sơ, vừa tinh tế và sinh động như cuộc sống của người Ba Na.

Nhà cửa

Nhà người Ba Na thuộc loại hình nhà sàn. Cho đến nay, nhà cửa người Ba Na đã có rất nhiều thay đổi, hầu như không còn nhà sàn dài. Nhà sàn ngắn của các gia đình nhỏ là hiện tượng phổ biến. Mặc dù có nhiều thay đổi như vậy nhưng vẫn tìm được ở những địa phương khác nhau những ngôi nhà Ba Na có những đặc điểm như là những đặc trưng của nhà cổ truyền Ba Na, nhà nóc hình mai rùa hoặc chỉ còn là hai mái chính với hai mái phụ hình khum-dấu vết của nóc hình mai rùa. Chòm đầu dốc có "sừng" trang trí (với các kiểu khác nhau tùy từng địa phương). Vác che nghiêng theo thế "thượng thách hạ thu". Có nhà, cột xung quanh nhà cũng chôn nghiêng như thế vách. Thang đặt vào một sàn lộ thiên trước mặt nhà. Trên sàn này người ta đặt cối giã gạo (cối chày tay). Điểm đáng chú ý là dưới đáy cối có một cái "ngõng", Khi giã gạo người ta cắm cái ngõng ấy vào một cái lỗ đục trên một thanh gỗ đặt trên sàn.

Nhà tre vách nhưng có thêm lớp đồ, ngoài được buộc rất cầu kỳ có giá trị như là một thứ trang trí

Bộ khung nhà kết cấu đơn giản. Đã là vì kèo nhưng vẫn trên cơ sở của vì cột. Tổ chức mặt bằng cũng đơn giản là 1

hiện tượng rất phổ biến hiện nay. Ngay như nhà của những người theo đạo Kitô cũng giữ lại kiểu bố trí trên mặt bằng như vậy.

Ngôi nhà cộng đồng (nhà rông) cao lớn và đẹp đứng nổi bật giữa làng, đó là trụ sở của làng, nơi các bô lão tề tựu bàn việc công, nơi dân làng hội họp, nơi thanh niên chưa vợ và trai góa vợ ngủ đêm, nơi tiến hành các nghi lễ phong tục của cộng đồng, nơi tiếp khách lạ vào làng.

Trang phục

Mang phong cách chung của khu vực nhưng có cá tính riêng đặc biệt là qua phong cách thẩm mỹ.

+ Trang phục nam

Thường nhật, nam giới Ba Na mặc áo chui đầu, cổ xẻ. Đây là loại áo cộc tay, thân áo có đường trang trí sọc đỏ chạy ngang, gấu áo màu trắng. Nam mang khố kiểu chữ T theo lối quấn ngang dưới bụng, luồn qua háng rồi che một phần hông. Ngày lạnh rét, họ mang theo tấm choàng. Xưa nam giới búi tóc giữa đỉnh đầu hoặc để xõa. Nếu có mang khăn thì thường chít theo kiểu 'đầu riú'. Trong dịp lễ bỏ mả, họ thường búi tóc sau gáy và cắm một lông chim công. Nam cũng thường mang vòng tay bằng đồng.

+ Trang phục nữ

Phụ nữ Ba Na ưa để tóc ngang vai, khi thì búi và cài lược hoặc lông chim, hoặc trâm bằng đồng, thiếc. Có nhóm không chít khăn mà chỉ quấn bằng chiếc dây vải hay vòng cườm. Có nhóm như ở An Khê (Sông Bé), Mang Giang hoặc một số nơi khác chít khăn trùm kín đầu, khăn chàm quấn gọn trên đầu. Xưa họ đội nón hình vuông hoặc tròn trên có xoa sáp ong để khỏi ngấm nước, đôi khi còn có áo tơi vừa mặc vừa che đầu. Họ thường đeo chuỗi hạt cườm ở cổ và vòng tay bằng đồng xoắn ốc dài từ cổ đến khủy tay (theo kiểu hình nón cụt). Nhẫn được dùng phổ biến và thường được đeo ở hai, ba ngón tay. Tục xả tai phổ biến vừa mang ý nghĩa trang sức vừa mang ý nghĩa tín ngưỡng của cộng đồng. Hoa tai có thể là kim loại, có thể là tre, gỗ. Tục cà răng mang theo quan niệm triết lý của cộng đồng hơn là trang sức. Phụ nữ Ba Na mang áo chủ yếu là loại chui đầu, ngắn thân và váy. Áo có thể cộc tay hay dài tay. Váy là loại váy hồ, thường ngắn hơn váy Ê Đê, nay thì dài như nhau. Quanh bụng còn có đeo những vòng đồng và cài tấu hút thọc vào đó. Về tạo hình áo váy, người Ba Na không có gì khác biệt mấy so với dân tộc Gia Rai hoặc Ê Đê. Tuy nhiên nó được chọn ở phong cách mỹ thuật trang trí hoa văn, bố cục trên áo váy của người Ba Na. Cũng theo nguyên tắc của lối bố cục dải băng theo chiều ngang thân người, dân tộc Ba Na giành phần chính ở giữa thân áo và váy với diện tích hơn 1/2 áo, váy cũng như hai ống tay để trang trí hoa văn (chủ yếu là hoa văn hình học với các màu trắng đỏ), nền chàm còn lại của áo váy không đáng kể so với diện tích hoa văn. Thất lưng váy cũng là loại được dệt thêu hoa văn và tua vải hai đầu và được thắt và buông thong dài hai đầu sang hai bên hông váy.